



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 494 + 495

Ngày 15 tháng 12 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

03-12-2024-	Quyết định số 113/2024/QĐ-UBND ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	4
04-12-2024-	Quyết định số 114/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	10
04-12-2024-	Quyết định số 115/2024/QĐ-UBND ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	22

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 18-11-2024- Quyết định số 5263/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 4705/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 31
- 18-11-2024- Quyết định số 5274/QĐ-UBND về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. 34
- 20-11-2024- Quyết định số 5293/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. 38
- 20-11-2024- Quyết định số 5294/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. 41
- 20-11-2024- Quyết định số 5310/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. 45
- 21-11-2024- Quyết định số 5333/QĐ-UBND bãi bỏ Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 60

- 
- 22-11-2024- Quyết định số 5366/QĐ-UBND về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. 62
- 05-12-2024- Chỉ thị số 15/CT-UBND về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; công tác xây dựng, huy động huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên; tuyển sinh quân sự năm 2025. 65

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính

*phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;*

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 11263/TTr-SXD-QLN&CS ngày 22 tháng 11 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6797/BC-STP ngày 15 tháng 10 năm 2024 và kết quả biểu quyết của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là giá cho thuê nhà ở cũ).

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến công tác quản lý, vận hành cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công và các cá nhân, tổ chức đang thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công**

1. Giá cho thuê nhà ở đã bố trí sử dụng trước ngày 05 tháng 7 năm 1994 mà chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn Thành phố như sau:

Loại nhà	Biệt thự (hạng)				Nhà ở thông thường (cấp)			
Cấp, hạng nhà	I	II	III	IV	I	II	III	IV
Giá chuẩn (đồng/m <sup>2</sup> /tháng)	11.300	13.500	15.800	24.800	6.800	6.300	6.100	4.100
Giá thuê nhà điều chỉnh theo tiền lương cơ bản (đồng/m <sup>2</sup> /tháng)	Theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ							
	Giá chuẩn x K <sub>TLCB</sub>							

Trong đó:

a) Việc xác định cấp, hạng nhà ở thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở.

b) K<sub>TLCB</sub> là tỷ lệ tăng lương cơ bản được xác định bởi mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định tại thời điểm hiện hành so với lương tối thiểu được Chính phủ quy định năm 2008 (lương tối thiểu được Chính phủ quy định năm 2008 áp dụng theo Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ).

2. Giá cho thuê nhà ở được bố trí sử dụng từ trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 mà đã được Nhà nước cải tạo, xây dựng lại; nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng làm nhà ở từ ngày 05 tháng 7 năm 1994 đến trước ngày 19 tháng 01 năm 2007.

Giá thuê nhà (như đối với nhà ở xã hội) = Giá chuẩn x K<sub>TLCB</sub> x 1,5

3. Giá cho thuê nhà ở áp dụng cho các trường hợp được bố trí sử dụng từ ngày 19 tháng 01 năm 2007.

Giá thuê nhà = Giá chuẩn x K<sub>TLCB</sub> x 3

### Điều 3. Phương pháp xác định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

1. Đơn giá cho thuê 01m<sup>2</sup> diện tích sử dụng nhà ở:

$$\text{Giá cho thuê nhà ở (biệt thự hoặc nhà ở các cấp)} = \left| \begin{array}{c} \text{Giá chuẩn x K}_{TLCB} \end{array} \right| \times \left| \begin{array}{c} 1 + (K1 + K2 + K3 + K4) \end{array} \right| \text{đồng/m}^2 \text{ sử dụng/tháng}$$

a) Hệ số K1, K2, K3, K4 được quy định tại Biểu số 1, 2, 3 và 4 Phụ lục VI ban

hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

b) Giá cho thuê nhà ở cũ được tính trên cơ sở giá quy định tại Điều 2, được điều tiết tăng (+), giảm (-) với các hệ số, theo nguyên tắc biệt thự các hạng và nhà ở các cấp áp dụng tối đa không vượt quá 04 hệ số.

**2. Tiền thuê nhà phải trả hàng tháng:**

$$\begin{array}{|l} \text{Tiền thuê phải trả} \\ \text{cho toàn bộ diện tích} \\ \text{sử dụng = tổng số} \end{array} \left| \begin{array}{l} \text{Giá cho thuê 1m}^2 \text{ sử} \\ \text{dụng tính theo quy} \\ \text{định khoản 1 Điều 3} \end{array} \right. \times \left| \begin{array}{l} \text{Diện tích sử dụng} \\ \text{từng loại nhà tương ứng} \\ \text{với giá cho thuê} \end{array} \right.$$

#### **Điều 4. Điều chỉnh giảm giá cho thuê**

Tỷ lệ phần trăm (%) điều chỉnh giảm giá cho thuê nhà ở cũ tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà được xác định như sau:

**1. Giảm 05% số tiền phải trả theo giá cho thuê quy định tại Điều 3 Quyết định này khi đáp ứng các điều kiện:**

a) Mức độ hư hỏng, xuống cấp của nhà cho thuê: Chất lượng còn lại của nhà ở cho thuê có tỷ lệ từ 60% đến dưới 70%.

b) Người thuê nhà đã tự bỏ kinh phí để sửa chữa ít nhất 01 trong 04 kết cấu chính của nhà thuê, nâng mức tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà đạt tỷ lệ trên 80%.

**2. Giảm 10% số tiền phải trả theo giá cho thuê quy định tại Điều 3 Quyết định này khi đáp ứng các điều kiện:**

a) Mức độ hư hỏng, xuống cấp của nhà cho thuê: Chất lượng còn lại của nhà ở cho thuê có tỷ lệ từ 50% đến dưới 60%.

b) Người thuê nhà đã tự bỏ kinh phí để sửa chữa ít nhất 01 trong 04 kết cấu chính của nhà thuê, nâng mức tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà đạt tỷ lệ trên 80%.

**3. Giao đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện kiểm tra các điều kiện của nhà ở và tính giảm giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định tại Điều này. Trong đó:**

a) Phương pháp xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà ở thực hiện theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

b) Nhóm 04 kết cấu chính của nhà ở theo Bảng 01 Phụ lục VIII ban hành kèm

theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

4. Việc giảm giá cho thuê nhà ở cũ chỉ được thực hiện đối với trường hợp bên thuê nhà có xin phép về việc tự bỏ kinh phí (không yêu cầu hoàn lại) sửa chữa các hư hỏng của nhà đang thuê và được cơ quan quản lý nhà đồng ý bằng văn bản, phần nhà ở được cải tạo vẫn thuộc tài sản công.

#### **Điều 5. Nguyên tắc thu tiền thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công**

1. Tiền thuê nhà được thu hàng tháng.

2. Các cơ quan quản lý vận hành nhà ở thu trực tiếp từ người sử dụng nhà hoặc bằng hình thức chuyên khoản thông qua ngân hàng.

#### **Điều 6. Đối tượng và điều kiện miễn, giảm tiền thuê nhà ở cũ**

Đối tượng và điều kiện miễn, giảm tiền thuê nhà ở cũ áp dụng theo quy định tại Điều 100 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Điều 67 Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 8. Quy định chuyển tiếp**

Đối với các hợp đồng thuê nhà còn thời hạn và giá thuê đã tính theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giao đơn vị quản lý và ký hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công thực hiện điều chỉnh giá cho thuê trong hợp đồng theo Quyết định này kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện thống nhất Quyết định này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.



2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trường hợp Chính phủ điều chỉnh tăng tiền lương cơ bản thì giá thuê nhà được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ tăng lương cơ bản theo quy định. Giao Đơn vị quản lý và ký hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công thực hiện điều chỉnh giá cho thuê trong hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố, Giám đốc Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận - huyện, các tổ chức và cá nhân đang quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 114/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và tổ chức của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc  
Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày

14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Căn cứ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 8482/TTr-SNV ngày 25 tháng 10 năm 2024 và ý kiến của Sở Tư pháp tại kết quả Báo cáo thẩm định số 4918/BC-ST-KTrVB ngày 31 tháng 7 năm 2024; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc Ủy ban

nhân dân thành phố Thủ Đức.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức  
của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

(Kèm theo Quyết định số 114/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

#### 2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

### Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại; nông nghiệp; diêm nghiệp, kinh tế trang trại; thủy sản; phòng chống thiên tai; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn; kế hoạch, đầu tư; thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định quyết định phê duyệt dự án; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định chủ trương đầu tư; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định phê duyệt dự án, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết các hợp đồng dự án đối với các dự án nhóm B, nhóm C đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24

tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

2. Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở An toàn thực phẩm.

### **Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:

a) Dự thảo quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các nội dung nhiệm vụ về nông nghiệp và phát triển nông thôn; dự thảo đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

b) Dự thảo các quyết định, văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Kế hoạch và Đầu tư về công tác kế hoạch và đầu tư trên địa bàn;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức dự thảo quyết định và các văn bản khác về lĩnh vực, chuyên ngành công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, kế hoạch và đầu tư thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức theo phân công.

### 3. Đối với lĩnh vực công thương:

a) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp, mở rộng sản xuất - kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương; xây dựng và phát triển thương hiệu trên địa bàn theo phân công của các cấp có thẩm quyền.

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Thủ Đức:

Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, chuyên Sở Công Thương tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về xây dựng, trình ban hành kế hoạch khuyến công phù hợp quy định pháp luật và điều kiện của địa phương; tham mưu cấp thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức khuyến công trên địa bàn.

d) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công thương; theo dõi thi hành pháp luật về công thương.

đ) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

e) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong việc quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng theo quy định pháp luật.

### 4. Đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

b) Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, diêm

ng nghiệp; sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; công tác phòng, chống thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

c) Phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về đê điều và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường nơi có đê tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra canh gác đê; phối hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với đê điều theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

d) Phối hợp tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, công trình nuôi trồng thủy sản, công trình cấp, thoát nước nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn thành phố Thủ Đức theo quy định của pháp luật.

đ) Đầu mối tổ chức và hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan đến phát triển nông thôn; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức việc xây dựng và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Thủ Đức về các lĩnh vực: phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp, hỗ trợ phát triển sản xuất và an sinh nông thôn; khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

e) Tổ chức hoạt động thống kê, kê khai phục vụ yêu cầu quản lý theo quy định; thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, diễn biến rừng; thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nghề muối.

g) Quản lý về chất lượng, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn thành phố Thủ Đức theo quy định của pháp luật.

h) Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản; vật tư nông, lâm nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

i) Quản lý về công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm và các dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng,



chống thiên tai và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Thủ Đức theo quy định.

k) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

l) Thực hiện nhiệm vụ thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; chống sa mạc hóa; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

#### 5. Lĩnh vực Kế hoạch - Đầu tư:

a) Lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý; thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức làm chủ đầu tư.

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn.

c) Cung cấp thông tin, phối hợp xúc tiến đầu tư, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn thành phố Thủ Đức; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư thường.

d) Về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân:

Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; hướng dẫn hợp tác xã, hộ kinh doanh và người thành lập hợp tác xã, hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh;

Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về hợp tác xã, hộ

kinh doanh trên địa bàn thành phố Thủ Đức; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thuế thành phố Thủ Đức về tình hình đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn; cung cấp thông tin về đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

đ) Thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định quyết định phê duyệt dự án; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định chủ trương đầu tư.

e) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định phê duyệt dự án, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết các hợp đồng dự án đối với các dự án nhóm B, nhóm C đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

g) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 98/2023/QH15 và quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật Đầu tư (không bao gồm các trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu dự án hoặc đấu giá quyền sử dụng đất).

6. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý cho cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân phường.

8. Kiểm tra việc chấp hành chính sách, thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách đối với các tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn quản lý; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

9. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, lưu trữ và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

10. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm và các cơ quan nhà nước khác khi có yêu cầu.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

12. Quản lý, tổ chức sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng phòng Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trưởng phòng Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư là Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức do Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức bầu, do Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bổ nhiệm;

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư và các công việc được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

c) Báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm về tổ chức, hoạt động của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Thủ Đức giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Biên chế công chức**

1. Biên chế công chức của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Quy định này, Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành quyết định cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 115/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 8376/TTr-SNV ngày 23 tháng 10 năm 2024; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 4917/BC-STP-KTrVB ngày 31 tháng 7 năm 2024; ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức  
của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức  
(Kèm theo Quyết định số 115/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

#### 2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

### Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính - ngân sách; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt đề án sử dụng tài sản công là nhà, đất của đơn vị sự nghiệp, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách Nhà nước của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc thành phố Thủ Đức vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Phòng Tài chính có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo

quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài chính.

### **Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:

a) Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức dự thảo các văn bản về lĩnh vực tài chính - ngân sách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, các chương trình, kế hoạch và các văn bản khác trong lĩnh vực tài chính - ngân sách sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân sách trên địa bàn.

4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định.

5. Là đơn vị đầu mối tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách thành phố Thủ Đức và tổng hợp dự toán ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách thành phố Thủ Đức trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của chính quyền phường, tài chính hợp tác xã, tài chính kinh tế tập thể và các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của nhà nước thuộc thành phố Thủ Đức.

7. Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có quy định khác); chủ trì thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách thành phố Thủ Đức; thẩm định quyết toán chi ngân sách phòng; lập quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Thủ Đức; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức và quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Thủ Đức (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Thủ Đức và quyết toán chi ngân sách phòng) báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

9. Quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Thủ Đức quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc thành phố Thủ Đức xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức thực hiện các quyết định về hình thành, sử dụng, xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc thành phố Thủ Đức giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Làm chủ tài khoản tạm giữ quản lý số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

11. Quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn; tổ chức thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật; chủ trì thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện nhiệm vụ định giá tài sản trong tổ tụng hình sự và thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá của nhà nước theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tài chính, ngân sách, giá thị trường với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Sở Tài chính theo quy định.

13. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc chấp

hành pháp luật tài chính - ngân sách; giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật;

14. Cấp phát, thanh toán, thẩm định quyết toán kinh phí cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

15. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt đề án sử dụng tài sản công là nhà, đất của đơn vị sự nghiệp; trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách Nhà nước của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc thành phố Thủ Đức vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết sau khi có ý kiến của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.

16. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

17. Tổ chức triển khai nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

18. Tổng hợp và báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Tài chính; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về cán bộ, công chức, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Tài chính hoạt động theo chế độ Thủ trưởng.

Phòng Tài chính có trưởng phòng, các phó trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định cụ thể số lượng phó trưởng phòng cho phù hợp và đúng quy định.

## 2. Trưởng phòng Phòng Tài chính:

a) Trưởng phòng Phòng Tài chính là Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức do Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức bầu, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bổ nhiệm.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính và các công việc được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

c) Báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Sở Tài chính về tổ chức, hoạt động của Phòng Tài chính; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Thủ Đức giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Biên chế công chức**

1. Biên chế công chức của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Quy định này, Phòng Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành quyết định cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tài chính, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương nhưng không trái với nội dung Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng Phòng Tài chính nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi quy định cho phù hợp./.

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5263/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 4705/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với các mạng;

Căn cứ Thông tư số 80/2021-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính

về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6582/TTr-STC-QLG ngày 11 tháng 9 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 4705/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do bãi bỏ: Căn cứ khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 8 Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì thẩm quyền quyết định số tiền sử dụng đất được giảm thuộc cơ quan thuế, không còn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên việc ủy quyền quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quyết định số 4705/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố đã hết hiệu lực, cần được bãi bỏ.

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Cục Thuế Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về người có công để thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức,



---

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5274/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4191/TTr-SKHCCN ngày 14 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Khoa học và Công nghệ triển khai, thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính nêu trên.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này; báo cáo kết quả thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC về Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

## **Phụ lục**

# **PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **1. Đối với 02 thủ tục hành chính**

- Thủ tục Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.

- Thủ tục Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.

#### **1.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa**

Bỏ quy định về việc nộp thành phần hồ sơ “*Bản sao Chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân đăng ký ứng dụng*”.

**Lý do:** Giảm thành phần hồ sơ và chi phí cho tổ chức, cá nhân do có thể tra cứu thông tin cá nhân thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi**

Đề nghị điều chỉnh quy định tại khoản 6, Điều 19 Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước về việc nộp.

#### **1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

Việc đơn giản hoá thành phần hồ sơ góp phần tạo thuận tiện cho người dân trong việc chuẩn bị hồ sơ, tiết kiệm thời gian và chi phí sao y và thực hiện thủ tục hành chính.

**2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)**

#### **2.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa**

Bỏ quy định về việc nộp bản sao thành phần hồ sơ “*Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng*” đối với cá nhân người Việt Nam.

**Lý do:** Giảm thành phần hồ sơ chứng minh tư cách pháp lý cho tổ chức, cá nhân Việt Nam do có thể tra cứu tư cách pháp lý đối với cá nhân là người Việt Nam trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

## **2.2. Kiến nghị thực thi**

Đề nghị điều chỉnh quy định tại mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

## **2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ, tiết kiệm thời gian và chi phí sao y thực hiện thủ tục hành chính.

**3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)**

## **3.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa**

Bỏ thành phần hồ sơ “*bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định (đối với cá nhân)*” người Việt Nam.

**Lý do:** Giảm thành phần hồ sơ chứng minh tư cách pháp lý cho cá nhân người Việt Nam do có thể tra cứu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

## **3.2. Kiến nghị thực thi**

Đề nghị điều chỉnh quy định tại mẫu số 06 Phụ lục của Thông tư số 02/2018/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

## **3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ, tiết kiệm thời gian và chi phí sao y thực hiện thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5293/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ  
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm  
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục  
hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8875/TTr-STC-VP ngày  
14 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính bị bãi  
bỏ trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài  
chính.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban  
nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn> (Bộ thủ tục hành chính  
chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5293/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố thủ tục hành chính</b>	<b>Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>
1	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao	Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính <i>(thứ tự 1)</i> .	Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính <i>(Bãi bỏ TTHC có mã 3.000.021, 3.000.022)</i> .
2	Miễn giảm tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao	Quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính <i>(thứ tự 2)</i> .	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5294/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ  
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm  
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục  
hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số  
28890/TTr-SLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính mới  
ban hành lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động -  
Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy  
ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành  
chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5294/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (159 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội; - Quyết định số 1858/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (159 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	
3	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (159 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ QUAN KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Các đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội (cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và cơ sở khác theo quy định của pháp luật) có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung thực hành.	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội; - Quyết định số 1858/QĐ-LĐTĐ ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5310/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Công văn số 2865/SATTP-VP ngày 11 tháng 11 năm 2024 và kết quả thẩm định của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tại Công văn số 553/TTCĐS-QLVKTDL ngày 28 tháng 10 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 11 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. *(chi tiết tại phụ lục)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục**

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA THỰC HIỆN THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Kèm theo Quyết định số 5310/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ số hóa	Ghi chú
<b>Lĩnh vực: An toàn thực phẩm và dinh dưỡng</b>			
1	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	<p>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo.</li> <li>- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm còn hiệu lực.</li> <li>- Mẫu nhãn sản phẩm.</li> <li>- Kịch bản dự kiến quảng cáo.</li> <li>- Tài liệu khoa học chứng minh đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm.</li> <li>- Tài liệu chứng minh cho thông tin quảng cáo có sử dụng hình ảnh, lời nói, chữ viết của cá nhân.</li> <li>- Trường hợp quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự thì phải bổ sung tài liệu chứng minh cho thông tin quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL.</li> </ul>	

		<p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu trình kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận nội dung quảng cáo hoặc Công văn trả lời cơ sở.</li> </ul>	
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo mẫu số 01 Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.</li> <li>- Giấy ủy quyền cho người đại diện chủ cơ sở thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thẩm định.</li> <li>- Biên bản làm việc (nếu có).</li> <li>- Văn bản đề nghị hủy thẩm định (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản gửi cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận (nếu có).</li> </ul>	
3	Đăng ký bản công bố sản phẩm	<p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p>	



<p>nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Mẫu nhãn sản phẩm (mẫu nhãn sản phẩm dự kiến, mẫu nhãn gốc dịch sang tiếng Việt công chứng).</li> <li>- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).</li> <li>- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).</li> <li>- Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu.</li> <li>- Các giấy tờ khác (nếu có): Giấy uỷ quyền (GUQ), Hợp đồng gia công (HĐGC), Hồ sơ nguyên liệu thực phẩm (HSNLTP).</li> </ul> <p><i>2. Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</li> <li>- Văn bản trả lời, hướng dẫn của cơ quan quản lý</li> </ul>
--	---

		<p>chuyên ngành cấp trên trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính (nếu có)</p> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <p>- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm</p> <p>Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc Thông báo chưa cấp giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố sản phẩm (nếu có).</p>	
4	<p>Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	<p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <p>- Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Mẫu nhãn sản phẩm (mẫu nhãn sản phẩm dự kiến, mẫu nhãn gốc dịch sang tiếng Việt công chứng).</p> <p>- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).</p> <p>- Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu.</p> <p>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).</p> <p>- Các giấy tờ khác (nếu có): Giấy uỷ quyền (GUQ), Hợp đồng gia công (HĐGC), Hồ sơ</p>	

		<p>nguyên liệu thực phẩm (HSNLTP).</p> <p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</li> <li>- Văn bản trả lời, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành cấp trên trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính</li> </ul> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.</li> <li>- Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc Thông báo chưa cấp giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố sản phẩm (nếu có).</li> </ul>	
<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>			
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	<p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.</li> <li>- Giấy ủy quyền cho người đại diện chủ cơ sở thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải</i></p>	

		<p><i>quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP (nếu có).</li> <li>- Biên bản làm việc (nếu có).</li> <li>- Văn bản đề nghị hủy thẩm định (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</li> </ul> <p><i>3. Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản gửi cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận (nếu có).</li> </ul>	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	<p><b>a) Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.</b></p> <p><i>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP</li> </ul>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.</li> <li>- Giấy ủy quyền cho người đại diện chủ cơ sở thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p><i>2. Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP (nếu có).</li> <li>- Biên bản làm việc (nếu có).</li> <li>- Văn bản đề nghị hủy thẩm định (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</li> </ul> <p><i>3. Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <p>Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản gửi cơ quan quản lý địa phương để giám</li> </ul>	
--	--	--	--

		<p>sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận (nếu có).</p> <p><b>b) Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</b></p> <p><i>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.</li> </ul> <p><i>2. Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</li> </ul> <p><i>3. Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản thông báo từ chối cấp lại (nếu có).</li> </ul> <p><b>c) Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</b></p> <p><i>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực</li> </ul>
--	--	--

		<p>phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</p> <p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <p>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <p>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Văn bản thông báo từ chối cấp lại (nếu có)</p> <p><b>d) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng</b></p> <p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <p>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <p>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.</p>	
--	--	--	--

		- Văn bản thông báo từ chối cấp lại (nếu có).	
<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản</b>			
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	<p><i>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</li> <li>- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở xác nhận.</li> <li>- Giấy ủy quyền cho người đại diện chủ cơ sở thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p><i>2. Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thẩm định theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 32/2022/TT-BNNPTNT. Biên bản làm việc.</li> <li>- Văn bản đề nghị hủy thẩm định (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p><i>3. Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận theo Phụ lục IV kèm theo TT 38/2018/TT-BNNPTNT Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định (nếu có).</li> </ul>	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy	<p><i>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực</li> </ul>	



	sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	<p>phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở xác nhận.</li> <li>- Giấy ủy quyền cho người đại diện chủ cơ sở thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p>2. <i>Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thẩm định theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 32/2022/TT-BNNPTNT. Biên bản làm việc.</li> <li>- Văn bản đề nghị hủy thẩm định (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình về việc đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).</li> </ul> <p>3. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận theo Phụ lục IV kèm theo TT 38/2018/TT-BNNPTNT Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định (nếu có).</li> </ul>	
<b>Lĩnh vực Thú y.</b>			
9	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <p>Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</p> <p>2. <i>Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <p>Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.</p>	
<b>Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</b>			
10	Thủ tục Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	<p>1. <i>Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng muối hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số</li> </ul>	

		<p>154/2018/NĐ- CP)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng (Contract) mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch)</li> <li>- Danh mục hàng hóa (Packing List - nếu có)</li> <li>- Hóa đơn (Invoice) có xác nhận của người nhập khẩu</li> <li>- Vận đơn (Bill of Loading) có xác nhận của người nhập khẩu</li> <li>- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của người nhập khẩu</li> <li>- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O Certificate of Origin - nếu có)</li> <li>- Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có)</li> <li>- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có).</li> <li>- Hoặc giấy chứng nhận chất lượng lô hàng muối nhập khẩu hoặc chứng thư giám định chất lượng lô hàng muối nhập khẩu</li> <li>- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định (trừ trường hợp nhập khẩu muối rời)</li> </ul> <p><i>2. Kết quả thẩm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Cơ quan Hải quan, .... (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình về việc xác nhận bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</li> </ul> <p><i>3. Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu tại Giấy Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng muối hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ- CP)</li> </ul>	
--	--	---	--

		- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	
11	Thủ tục Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	<p><i>1. Giấy tờ là thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp để thực hiện TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu (theo Mẫu 04 Phụ lục I tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)</li> <li>- Bản tự công bố sản phẩm (theo Mẫu số 01 Phụ lục I tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)</li> <li>- Danh mục hàng hóa (Packing list)</li> <li>- Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các lô hàng, mặt hàng được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường.</li> </ul> <p><i>2. Kết quả thăm tra xác minh, trả lời ý kiến của cơ quan đơn vị tham gia trong quá trình giải quyết TTHC.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của Cục Kinh tế Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Cơ quan Hải quan, .... (nếu có).</li> <li>- Phiếu trình về việc xác nhận giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và cấp “Thông báo thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu”.</li> </ul> <p><i>3. Kết quả giải quyết TTHC.</i></p> <p>Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt/không đạt yêu cầu nhập khẩu (theo Mẫu 05 Phụ lục I tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)</p>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5333/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2013  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện  
Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 4218/BTP-VĐCXDPL ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc trả lời một số quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 7029/TTr-STP-PBGDPL ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành**

Bãi bỏ toàn bộ Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Ngọc Hải**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5366/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực điện lực  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 7714/TTr-SCT ngày 21 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Sở Công Thương	Không	- Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.
2	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Sở Công Thương	Không	- Quyết định 3056/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Không quy định	Sở Công Thương	Không	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

## CHỈ THỊ

**Về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; công tác xây dựng, huy động huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên; tuyển sinh quân sự năm 2025**

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015; Luật Công an nhân dân năm 2018; Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019; Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự; Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Thông tư số 148/2018/TT-BQP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Bộ Quốc phòng về quy định tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; Thông tư số 105/2023/TT-BQP ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Thông tư liên tịch số 50/2016/TTLT-BQP-BCA ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về quy định tiêu chuẩn chính trị tuyển chọn công dân vào phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe và khám sức khỏe tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Thông tư số 63/2023/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Chỉ thị số 98/CT-BQP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc tăng cường biện pháp nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ trong tình hình mới; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chỉ thị về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; công tác xây dựng, huy động huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên; công tác tuyển sinh quân sự năm 2025, cụ thể như sau:

**1.** Bộ Tư lệnh Thành phố thông báo chỉ tiêu giao quân cụ thể theo Quyết định giao chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ và Quyết định giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đến từng cơ quan, đơn vị có liên quan; hướng dẫn Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện và thành phố Thủ Đức tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; công tác xây dựng, huy động huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên; công tác tuyển sinh quân sự năm 2025.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể có liên quan tổ chức quán triệt, triển khai và tuyên truyền các văn bản pháp luật về nghĩa vụ quân sự đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện và thành phố Thủ Đức tham mưu cấp ủy - lãnh đạo địa phương chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động công dân chấp hành nghiêm quy định pháp luật về nghĩa vụ quân sự, từ đó nâng cao nhận thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Công an nhân dân năm 2018, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ, thống nhất kế hoạch giao, nhận quân với các đơn vị nhận quân; hiệp đồng huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu năm 2025.

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

**2.** Công an Thành phố chỉ đạo và hướng dẫn Công an các quận, huyện và thành phố Thủ Đức phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp thực hiện các nội dung sau:

Tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư để quản lý chặt chẽ công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ; quản lý, nắm chắc quân nhân dự bị đang thường trú tại địa phương và những công dân thường xuyên vắng, đi

khỏi địa phương. Khẩn trương tổ chức xác minh về tiêu chuẩn chính trị của công dân chuẩn bị gọi nhập ngũ theo Thông tư liên tịch số 50/2016/TTLT-BQP-BCA ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Thông tư số 63/2023/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2023 và các quy định về tiêu chuẩn chính trị của Bộ Công an.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân chặt chẽ, đúng thủ tục, nguyên tắc và chỉ tiêu đề ra. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an toàn các địa điểm tập trung tổ chức sơ tuyển và khám sức khỏe, trao lệnh gọi nhập ngũ, “Hội trại tòng quân” và “Lễ giao, nhận quân”, góp phần hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Tiếp tục phối hợp với Sở Y tế thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

**3. Sở Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ Thông tư số 105/2023/TT-BQP ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn đối với Phòng Y tế, Bệnh viện, Trung tâm y tế các địa phương và Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự các quận, huyện và thành phố Thủ Đức; chỉ đạo các Cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý điều động, hỗ trợ thiết bị phục vụ cho việc sơ tuyển, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự khi có đề nghị; phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch, tổ chức tập huấn cho các y, bác sĩ trong Hội đồng khám sức khỏe và Đoàn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự các địa phương, cán bộ y tế phường, xã, thị trấn nhằm chuẩn đoán các bệnh lý về mắt, tim mạch, huyết áp, tâm thần, thần kinh và các bệnh thường gặp chính xác hơn. Hướng dẫn về mặt chuyên môn cho Tổ kiểm tra sức khỏe quân nhân dự bị trước khi tập trung tham gia huấn luyện, diễn tập đúng quy định.**

Chỉ đạo các bệnh viện chuyên khoa hỗ trợ khám, chẩn đoán đối với các trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn của Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự các địa phương.

Phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Sở Tài chính tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội

đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các nhà trường, cơ sở giáo dục trực thuộc phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng sinh viên, học sinh có nhận thức đúng đắn về công tác tuyển sinh quân sự, về truyền thống yêu nước, tinh thần trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc, quyền và nghĩa vụ khi thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân. Phối hợp, cung cấp thông tin về học sinh, sinh viên (nam giới) trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ đến Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện và thành phố Thủ Đức (nơi học sinh, sinh viên đăng ký hộ khẩu thường trú) để theo dõi, quản lý chặt chẽ nguồn công dân phục vụ cho công tác xét duyệt, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Đề nghị các nhà trường đại học, cao đẳng trú, đóng trên địa bàn Thành phố phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy quân sự các quận, huyện và thành phố Thủ Đức cung cấp thông tin sinh viên, học sinh (nam giới) trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi đang học ở nhà trường, đã tốt nghiệp, hoặc bị buộc thôi học (kể cả công dân 26, 27 tuổi) theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nhằm quản lý chặt chẽ nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ phục vụ cho công tác xét duyệt, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân ở các địa phương.

5. Sở Tư pháp phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực quốc phòng an ninh, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc (nếu có); tổ chức tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về nghĩa vụ quân sự; hướng dẫn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các quận, huyện và thành phố Thủ Đức áp dụng pháp luật để xử lý vi phạm hành chính về nghĩa vụ quân sự theo Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Sở Tài chính phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức đảm bảo kinh phí phục vụ cho công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, công tác xây dựng, huy động

huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên và công tác tuyển sinh quân sự.

7. Sở Văn hóa và Thể thao chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Văn hóa, thông tin quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các báo, đài tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Công an nhân dân năm 2018, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019, nhất là đối với công dân nam trong độ tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự tại ngũ và ngạch dự bị, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, gia đình trong chấp hành pháp luật về nghĩa vụ quân sự và tham gia Công an nhân dân; phối hợp với quận, huyện Đoàn, Thành đoàn thành phố Thủ Đức và Ban Chỉ huy quân sự cùng cấp tổ chức “Hội trại tòng quân”, “Lễ giao, nhận quân” trang trọng, chu đáo, tiết kiệm, tạo khí thế sôi nổi trong ngày hội tòng quân.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức phối hợp chặt chẽ cùng các ban, ngành, đoàn thể địa phương có kế hoạch chăm lo tốt chính sách hậu phương quân đội đối với công dân nhập ngũ và lực lượng dự bị động viên, tạo việc làm đối với quân nhân xuất ngũ, kịp thời giải quyết những trường hợp gia đình có con em chuẩn bị nhập ngũ và đang phục vụ tại ngũ gặp khó khăn sớm ổn định cuộc sống; chỉ đạo các nhà trường Cao đẳng, trường Trung cấp thuộc phạm vi quản lý cung cấp thông tin học sinh, sinh viên (nam giới) trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ về Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện và thành phố Thủ Đức (nơi học sinh, sinh viên đăng ký hộ khẩu thường trú), nhằm tạo điều kiện cho địa phương theo dõi, quản lý chặt chẽ nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, phục vụ cho công tác xét duyệt, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

9. Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo, hướng dẫn Thành đoàn thành phố Thủ Đức và quận, huyện Đoàn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của đoàn viên, thanh niên về nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; động viên đoàn viên, thanh niên đủ tuổi hăng hái lên đường nhập ngũ; thực hiện công tác giáo dục, bồi dưỡng kết nạp Đoàn cho thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp; phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự, Công an thành phố Thủ Đức và quận, huyện tổ chức “Hội trại tòng quân”, “Lễ giao, nhận quân” trang trọng, chu đáo, tiết kiệm, tạo khí thế sôi nổi trong ngày hội tòng quân được triển khai thực hiện theo quy định của Quân khu 7 và Thành phố;

phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể địa phương thực hiện công tác chăm lo, đảm bảo chính sách hậu phương quân đội.

**10.** Đề nghị các thành viên: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh Thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo cơ quan chuyên môn các cấp phối hợp chặt chẽ với các thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tổ chức tuyên truyền, vận động công dân chấp hành tốt Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Công an nhân dân năm 2018, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019; động viên kịp thời lực lượng dự bị động viên làm tròn nhiệm vụ khi có lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên; thực hiện tốt công tác chăm lo chính sách hậu phương quân đội; giáo dục cán bộ, công nhân viên, hội viên ngành mình gương mẫu chấp hành pháp luật về nghĩa vụ quân sự, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

**11.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức:

- Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân sự, công an và các ban ngành có liên quan thực hiện tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó. Tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn quy trình tuyển quân của Chính phủ, Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành có liên quan, Quân khu 7 và Thành phố; đồng thời củng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp đúng thành phần, số lượng quy định. Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự chịu trách nhiệm trong phối hợp tổ chức thực hiện các bước đúng theo quy trình tuyển quân.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ gắn với thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho bộ đội xuất ngũ giai đoạn 2021-2025 và Đề án số 887 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn và bố trí công tác cho đảng viên vừa hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ trên địa bàn Thành phố; tuyển đảng viên chính thức nhập ngũ đạt từ 01% trở lên; trình độ học vấn được đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp đạt từ 35% trở lên; sức khỏe loại 1, loại 2 đạt từ 70% trở lên; ưu tiên tuyển chọn thanh niên là công chức, viên chức và con em cán bộ, những thanh niên có năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (ca nhạc, ca cổ, múa, đàn,..., điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ,...) giao cho đơn vị Trung đoàn Gia Định huấn luyện.

- Các quận, huyện và thành phố Thủ Đức tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2024, thời gian khám vết từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024. Kết quả phân loại sức khỏe phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường, xã, thị trấn trong thời hạn 20 ngày.

- Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương hiệp đồng với đơn vị nhận quân tổ chức đưa công dân chuẩn bị nhập ngũ đến các đơn vị quân đội tìm hiểu về truyền thống, môi trường hoạt động công tác của cán bộ, chiến sỹ; thăm, viếng các bia tưởng niệm, khu di tích lịch sử, căn cứ cách mạng để công dân chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ quân sự và gia đình nâng cao tinh thần yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, từ đó xác định được trách nhiệm, ý thức trong thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia Công an nhân dân; tổ chức “Hội trại tòng quân”, “Lễ giao, nhận quân” chu đáo, chặt chẽ đúng theo quy định; bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác chăm lo chính sách hậu phương quân đội, tổ chức đón tiếp và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương có việc làm ổn định.

- Làm tốt công tác phối hợp với đơn vị nhận quân tổ chức phúc tra, ổn định biên chế các đơn vị dự bị động viên, tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên tham gia huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu được giao.

- Chấp hành nghiêm túc các thông tư, hướng dẫn về thực hiện công tác tuyển sinh quân sự của cấp trên, tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng nghiệp quân sự rộng rãi trong nhân dân, nhất là thanh niên, học sinh, sinh viên trên địa bàn để nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính tự giác đăng ký dự sơ tuyển vào các học viện, nhà trường trong quân đội và bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu theo quy định./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng